



HỌ, HỤI, BIÊU, PHƯỜNG TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM: QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

ThS Trần Văn Biên*

1. *Họ, hui, biêu, phường* là các tên gọi khác nhau của một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán, tồn tại từ lâu và khá phổ biến ở nước ta. Ở miền Bắc thường gọi là *họ*, ở miền Nam gọi là *hui*, còn miền Trung thì hay gọi là *biêu*, là *phường*. Văn hoá bản địa Việt Nam là văn hoá nông nghiệp trồng lúa nước. Điểm đặc trưng của văn hoá bản địa này là sự bảo tồn lâu dài các công xã nông thôn (tức các làng) và tinh thần cộng đồng trong sinh hoạt của cư dân nông nghiệp lúa nước. Một trong những biểu hiện của tinh thần cộng đồng làng xã của người Việt cổ truyền là việc lập hội để tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau.

Trong cuốn *Mấy vấn đề về văn hoá làng xã Việt Nam trong lịch sử*, GS. Phan Đại Doãn viết: “Các quan hệ tương trợ kinh tế - xã hội trong cuộc sống hàng ngày tạo ra các loại hội, họ khác nhau, như hội hiếu giúp nhau lúc tang ma, hội hỷ giúp nhau khi có cưới xin, *hội chơi họ góp tiền hay lúa lân lượt cho nhau vay khi cần thiết...* Đây đó còn có hội ăn Tết giúp nhau chuẩn bị cho ngày Tết Nguyên đán” [1].

Phan Kế Bính (1875 - 1921), tác giả của *Việt Nam phong tục* - một công trình nghiên cứu công phu về các phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam - viết: Trong làng hoặc mười mười hai người, hoặc vài chục người rủ nhau lập một hội tư giúp đỡ lẫn nhau gọi là hội tư cấp. Hội tư cấp gồm 4 loại là: họ mua bán (tức chơi hui), họ hiếu, họ hỉ và họ ăn Tết. Dân làng cũng thường hay có hội bách nghệ là hội của những người cùng làm một nghề như thợ mộc, thợ nề, thợ sơn, thợ sắt... Và những hội này cũng thường hay lập ra các họ mua bán (chơi hui) trước là để giúp đỡ nhau, sau là để lấy lời. Cái lời ấy để làm vốn công của hàng hội, khi nào nhiều vốn rồi thì lại tìm nhiều kế mà sinh ra lời nữa, rồi mỗi năm chia cho

* Viện Nhà nước và Pháp luật.

nhau một đôi chút [2]. Việc sử dụng số vốn ấy hoàn toàn dựa trên tinh thần bình đẳng, tương trợ chứ không người nào có thể biến thành của riêng được.

Nghiên cứu pháp luật thời kỳ Pháp thuộc, chúng ta thấy hình thức giao dịch này đã được ghi nhận. Trong *Bộ Dân luật Bắc Kỳ 1931*, tại quyền thứ hai, thiên thứ hai, chương IX - nói về khế ước lập hội có Điều 1204 quy định: “Phàm những hội để dành tiền và những hội cho vay lẫn nhau, như **chơi họ**, hội hiếu hỉ, hội tư văn, là tuân theo dân luật, tục lệ, cùng khế ước của người đương sự lập ra”. Hay: “Thế lệ luật này nếu không trái gì với luật, lệ hay tục riêng về việc thương mại, thời cũng đem thi hành đối với các hội buôn. Đối với các hội để dành tiền và những hội cho vay lẫn nhau như **chơi họ** cũng vậy”. (Điều 1435, *Bộ Hoàng Việt Trung Kỳ hộ luật 1936 - 1939*)

Nói về bản chất pháp lý của việc chơi hội, dưới dạng án lệ vào thời kỳ Pháp thuộc có sự giải thích về vấn đề này như sau:

“Trong một bản án của Toà Thượng thẩm Sài Gòn năm 1925 cho rằng, hội không phải là một hiệp hội hay như một cuộc dự phần mà là một hoạt động thương mại, vì người ta lập hội để gây vốn mua bán. Còn nếu xem hội là một sự cho vay thì hội có tính chất dân sự. Án lệ của Toà Hoà giải Biên Hoà cùng năm cũng nhìn nhận hội không phải là hiệp hội vì không có một thoả hiệp giữa những người chơi hội chung vốn lại để chia lãi cho nhau, nhưng theo toà này, nếu phát sinh tranh chấp về hội thì không thể áp dụng luật thương mại để xử. Nếu trong giao kèo chơi hội có sự kết ước cho người khác, thì giao kèo này mới có tính chất dân sự rõ rệt.

Sau đó, lập trường của Toà Hoà giải Biên Hoà được Toà Thượng thẩm Hà Nội xác nhận. Theo một án lệ của Toà Thượng thẩm Hà Nội năm 1933, hội được xem như một thứ “hợp tác xã tín dụng”, vì sự hợp tác vốn là yếu tố chính của hội. Hội cũng như các hợp tác xã tín dụng hỗ tương, không có tính chất thương mại vì không phải là ngân hàng, khách hàng toàn là hội viên, trong hội lại không có sự lưu thông tiền tệ. Chủ hội hoạt động ngay với các hội viên nên cũng không thể xem như một thương gia”⁽¹⁾.

Theo Trần Thúc Linh, tại Việt Nam, hội là một chế định đặc biệt, một khế ước biệt loại gần như một ngân hàng nhỏ, các hội viên cho vay lẫn nhau, mặc nhiên uỷ quyền cho chủ hội thu góp và chủ hội có trách nhiệm bảo đảm cho các hội viên về sự thua thiệt nếu có người không góp.

Về pháp chế, ở Nam phần không có luật lệ gì quy định về tổ chức chơi hội.

Ở Bắc phần, có nghị định ngày 25/5/1939 buộc cầm họ phải lấy môn bài (giấy phép).

Ở Trung phần, có dụ ngày 31/1/1940 quy định việc chơi họ: chơi họ trong làng cả nhà cái, nhà con không quá 24 người và tiền thu đồng niên không quá 200\$

sẽ được miễn không phải xin phép trước, nhưng biên bản họp phải đưa quan cai trị duyệt y. Chơi họ ngoài các điều kiện kể trên phải xin phép trước, giấy phép do Bộ Kinh tế cấp. Nhà cái phải giữ một quyển sổ họ, trong có biên bản họp họ, quy tắc chơi họ và một quyển biên lai có cuống. Bất cứ lúc nào các viên chức cai trị và tư pháp cũng có thể đòi xem quyển sổ ấy. Nhà cái có trách nhiệm coi sóc công việc cho thanh thản; nếu một vài nhà con thiếu, nhà cái phải bù vào. Cầm họ mà không xin phép, nếu nhà cái không làm đủ bốn phần sẽ bị ghép về tội bội tín. Không giữ sổ sách sẽ bị phạt theo Điều 362 Hình luật Trung⁽²⁾.

Dưới chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam, trong Bộ Hình luật 1972 có hai điều quy định về tội phạm và hình phạt liên quan đến việc chơi hội, đó là Điều 441 và 442:

“Điều 441 - Sẽ bị phạt như tội lường gạt dự liệu ở Điều 433, người nào tổ chức hay làm chủ một bát hội ma, trong đó có một hay nhiều hội viên hữu danh vô thực.

Điều 442 - Sẽ bị phạt như tội bội tín dự liệu ở Điều 436:

1) Chủ hội nào không đóng cho hội viên đã hốt được hội số tiền mà mình đã thầu góp của các hội viên khác;

2) Hội viên nào sau khi hốt được hội và nhận tiền rồi mà không góp tiền cho chủ hội, ngoại trừ trường hợp chứng minh được sự ngay tình” [3].

Những quy định trên của Bộ Hình luật cho phép suy luận không chỉ bây giờ mà ngay cả ngày trước việc chơi hội luôn luôn tiềm ẩn khả năng vỡ hội do bị giật hội. Có lẽ vì vậy mà nhà làm luật đã phải quy định những tội danh liên quan đến việc chơi hội nhằm răn đe để hướng những người tham gia chơi hội một cách lành mạnh, đảm bảo việc chơi hội thực sự là một hình thức huy động vốn có hiệu quả. Ngay trong công trình nghiên cứu *Việt Nam phong tục*, Phan Kế Bính cũng đã nhắc đến mặt trái của tập quán này: “Vỡ họ cũng nhan nhản chẳng thiếu gì” [2].

2. Ở nước ta, trước tình hình các dây hội được lập ra và sau đó bị bể, vỡ hàng loạt vào cuối những năm 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ trước gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc ổn định kinh tế, xã hội của đất nước, ngày 10/8/1990, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng đã ra Thông báo số 2590 về ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về chống tệ nạn xã hội “vỡ hội” có nội dung như sau: “Nghiêm cấm tất cả các tổ chức và mọi công dân tham gia chơi hội, họ dưới mọi hình thức. Bất cứ tổ chức, cá nhân nào tham gia chơi hội, họ thì tùy theo lỗi nặng nhẹ mà xử lý hành chính hoặc truy tố trước pháp luật”. Tuy nhiên, việc chơi hội vẫn không giảm, mà còn có chiều hướng gia tăng. Số lượng các tranh chấp về nợ hội khởi kiện tại toà án ngày một nhiều, trong khi đó pháp luật hiện hành lại chưa có quy định điều chỉnh cụ thể vấn đề này. Chính vì vậy, ngày 8/8/1992, Toà án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã ra Thông tư liên ngành số 04/TTLN hướng dẫn toàn ngành thống nhất đường lối giải quyết tranh chấp về nợ hội. Theo Thông tư số 04/TTLN, thì các tranh chấp về hội, họ phải được thụ lý và

giải quyết như là một loại tranh chấp về vay nợ, khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển sang xử lý bằng hình sự. Tuy nhiên, sau khi Bộ luật Dân sự 1995 được ban hành, Thông tư này đã bị huỷ bỏ theo Nghị quyết về việc thi hành Bộ luật Dân sự của Quốc hội. Trong khi đó, Bộ luật Dân sự 1995 lại không có quy định nào điều chỉnh về vấn đề này, nên khi có tranh chấp, Tòa án đã không có căn cứ pháp luật để giải quyết. Trước tình hình đó, Tòa án Nhân dân tối cao ra công văn hướng dẫn các Tòa án địa phương ngừng thụ lý việc giải quyết tranh chấp hội phát sinh từ sau ngày 1/7/1996 - thời điểm Bộ luật Dân sự 1995 có hiệu lực. Trường hợp nếu đã thụ lý, chưa giải quyết xong thì ra quyết định tạm đình chỉ. Việc thiếu vắng sự điều chỉnh của pháp luật đối với loại quan hệ này dẫn đến việc nhiều khi các bên tự giải quyết tranh chấp với nhau bằng “luật rừng”, gây mất ổn định xã hội.

Kết quả khảo sát thực tiễn hoạt động hội, hội tại tỉnh Thừa Thiên - Huế, Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh của Bộ Tư pháp cho thấy⁽³⁾: Tại các chợ, tỷ lệ các tiểu thương tham gia chơi hội, hội rất nhiều lên đến 90% (ở chợ Đông Ba, thành phố Huế), thậm chí đến 100% (chợ thị trấn Tứ Hạ, Thừa Thiên - Huế; chợ Thị Nghè, Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh). Các đối tượng tham gia chơi hội, hội rất đa dạng, đại bộ phận là các hộ kinh doanh, buôn bán, nhưng cũng có khi là cán bộ, công nhân viên chức, cá biệt có cả Câu lạc bộ Cựu chiến binh ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng tổ chức một dây hội. Người làm chủ các dây hội thường phải là người có uy tín trong bà con tiểu thương (nếu là dây hội ở chợ), hoặc trong cộng đồng nơi sinh sống (nếu là dây hội của cán bộ, công nhân viên chức, người lao động), có tài sản được các con hội tín nhiệm thay mặt họ quản lý dây hội. Thông thường, theo tập quán tại các địa phương, một chủ hội quản lý một vài dây hội, thậm chí đến hàng chục dây hội. Đối với đại đa số tiểu thương là người chơi hội, mục đích của việc tham gia chơi hội là do cần vốn để mở rộng kinh doanh, để nộp thuế, trong khi khả năng tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng lại hạn chế. Nếu như để vay được vốn của ngân hàng, tiểu thương phải thế chấp tài sản (phần lớn tiểu thương ở chợ thế chấp sạp hàng của họ cho ngân hàng để vay vốn), thì với việc tham gia dây hội, họ, tiểu thương có thể ngay lập tức có được số vốn mình muốn mà không phải thế chấp bất kỳ tài sản gì. Đó là chưa kể đến thủ tục vay vốn tại ngân hàng nhiều khi rất nhiều khê và tốn nhiều thời gian đi lại, trong khi chơi hội, họ lại không cần đến bất cứ thủ tục gì và những người tham gia chơi hội được lấy tiền rất nhanh chóng, thậm chí đến kỳ mở hội, chủ hội chủ động đem tiền đến tận sạp hàng cho người được lĩnh hội.

Nếu như ở Hà Nội, hình thức chơi hội không có lãi vẫn phổ biến, thì ở các tỉnh miền Trung và miền Nam, hầu như tất cả các dây hội đều có lãi, đã chơi hội là phải có lãi. Trách nhiệm chính của chủ hội là thu tiền (hoặc vàng, trong trường hợp dây hội đóng bằng vàng) của các hội viên và trao số tiền này cho người được lĩnh hội. Nếu xảy ra trường hợp đến kỳ góp hội mà hội viên vì lý do nào đó không đóng được phần hội của mình, chủ dây hội có nghĩa vụ phải dùng tiền, tài

sản cá nhân để đóng thay. Ở các tỉnh phía Nam, nghĩa vụ này thường được gọi là “choàng hội” và để “choàng” được hội, người chủ hội phải luôn có sẵn tài sản riêng để xử lý những trường hợp này. Thực tiễn khảo sát cũng cho thấy, đại đa số các dây hội dựa trên thoả thuận miệng giữa những người chơi, không hề có bất cứ văn bản gì mà hoạt động của dây hội chủ yếu dựa trên lòng tin giữa các thành viên với chủ hội. Đa số các ý kiến từ phía những người trực tiếp chơi hội, chủ hội và Ban Quản lý các chợ đều cho rằng bắt buộc những người chơi hội phải lập hợp đồng viết e rằng rất khó. Trong khi đó, các kiến nghị của Tòa án, Viện Kiểm sát địa phương đều cho rằng việc chơi họ, hội không có văn bản, khi xét xử sẽ không có chứng cứ để giải quyết. Tuy nhiên, các chủ hội tại chợ Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, thì lại bày tỏ ý kiến sẵn sàng lập văn bản viết và đăng ký hoạt động hội tại cơ quan có thẩm quyền nếu với việc lập văn bản và đăng ký này, quyền và lợi ích của các bên trong dây hội sẽ được pháp luật bảo vệ. Thậm chí, một số chủ hội tại đây còn cho biết, họ cũng sẵn sàng đóng thuế nếu pháp luật có quy định.

Điều đáng nói là ban đầu hội, họ là hình thức cho vay lẫn nhau giữa những người chơi trên cơ sở tương thân, tương ái, tuy nhiên, theo thời gian và cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội, ở một số nơi việc chơi hội phát triển với quy mô lớn, có tính chất phức tạp và bị biến tướng dưới hình thức cho vay nặng lãi. Nhiều trường hợp chủ hội đã lợi dụng lòng tin của những người tham gia chơi hội để chiếm đoạt tài sản của họ - thuật ngữ dân gian các tỉnh phía Nam gọi đây là trường hợp “úp hội”. Theo số liệu thống kê của Công an tỉnh Thừa Thiên - Huế, thời điểm năm 1994, tại thành phố Huế đã xảy ra 19 vụ võ hội với số tiền khoảng 9,8 tỷ đồng và 107 chỉ vàng, trong đó vụ lớn nhất lên đến 2,6 tỷ đồng. Thời gian gần đây, các vụ võ hội cũng chưa chấm dứt và tháng 10/2002, Tòa án tỉnh Thừa Thiên - Huế đã xét xử vụ võ hội của 392 người bị hại với số tiền trên 1 tỷ đồng và thời gian chơi hội kéo dài đến 10 năm (từ 1990 đến 2000). Tháng 4/2004, Tòa án nhân dân tỉnh cũng đã xét xử vụ võ hội xảy ra tại Phong Điền với tổng số tiền hơn 5 tỷ đồng, 3.800 USD và 92 chỉ vàng, làm cho hàng nghìn gia đình lâm vào tình trạng khó khăn, tan cửa nát nhà, thậm chí ly hôn vì hội, dẫn đến tình trạng giết nợ, xiết nợ, hăm dọa, gây mất ổn định tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất, gây tác hại và hậu quả rất lớn. Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho thấy tại đây đã thụ lý giải quyết các tranh chấp hợp đồng vay tài sản, trong đó nợ hội chiếm tỷ lệ 20% (thời điểm trước khi có văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tạm ngưng giải quyết các tranh chấp về nợ hội sau tháng 7/1996).

3. Trong quá trình xây dựng Bộ luật Dân sự (sửa đổi), Ban soạn thảo đã dành một điều luật quy định về vấn đề hội, họ. Tuy nhiên, vấn đề có công nhận việc chơi hội, họ là một giao dịch hợp pháp không (?) và có nên quy định về hội, họ trong Bộ luật Dân sự (sửa đổi) không (?) là những vấn đề còn có nhiều ý kiến

tranh luận khác nhau. Chính vì vậy, trong kế hoạch lấy ý kiến nhân dân, các ngành, các cấp về Dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi), vấn đề hội, họ đã được đưa ra để lấy ý kiến.

Qua việc tổng hợp ý kiến đóng góp của các ngành, các cấp về Dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) có thể thấy rằng, vấn đề hội, họ thu hút được khá nhiều ý kiến góp ý. Có ý kiến cho rằng, việc chơi hội, họ là một tệ nạn xã hội, làm tan nát biết bao gia đình và do đó cần phải nghiêm cấm. Còn lại, đa số các ý kiến ủng hộ phương án quy định vấn đề hội, họ trong Bộ luật Dân sự và cho rằng, việc chơi hội, họ vốn là một tập quán có mục đích tốt đẹp, thể hiện tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong nhân dân; tuy nhiên theo đà phát triển của xã hội, tập quán này đã bị một số kẻ lợi dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã bị biến dạng đi theo chiều hướng xấu. Nếu chúng ta đặt vấn đề nghiêm cấm việc chơi hội, thì sẽ có hai điều bất lợi xảy ra: Một là, việc cấm đó sẽ không thực hiện được (vì đây là tập quán đã tồn tại sâu rộng trong đời sống cộng đồng); hai là, nếu làm như vậy chúng ta đã vô tình ngăn cấm hoạt động tương thân, tương ái - khía cạnh đạo đức tốt đẹp của cộng đồng. Trước đây, Thông báo số 2590 của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng về ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về chống tệ nạn xã hội “vô hội” thể hiện chính sách của Nhà nước ta không khuyến khích việc chơi hội. Vì giao dịch này không được công nhận, nên khi các bên có tranh chấp về hội, họ khởi kiện ra toà án sẽ không được toà án thụ lý giải quyết để bảo vệ quyền lợi của các bên. Mặc dù vậy, không vì thế mà việc chơi hội chấm dứt, đâu đó vẫn có một số nhóm người tham gia, nhất là ở những khu chợ, bất chấp nó có được pháp luật công nhận hay không.

Khi nói đến hội, người ta vẫn thường nghĩ đến sự lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với những vụ giết hội hàng tỷ đồng, gây tác hại đến nhiều gia đình, làm rối loạn trật tự xã hội. Nhưng thực tế, lừa đảo hay lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chỉ là hiện tượng bất thường, có rất nhiều dây hội vẫn an toàn vì sự tin cậy lẫn nhau giữa những người tham gia và hội vẫn có nhiều mặt tích cực, dựa vào các ưu điểm sau đây:

- Thủ tục đơn giản, sự góp vốn dễ dàng;
- Nhiều người góp vốn cho một người vay mà không cần các biện pháp bảo đảm như cầm cố, thế chấp hay bảo lãnh;
- Phương thức ưu tiên vay vốn theo thời gian rất minh bạch, công khai bằng cách đấu giá lãi suất (bỏ hội);
- Người không cần vốn ngay được đền bù bằng cách hưởng lãi suất theo thời gian giống như gửi tiền tiết kiệm.

Hội, họ tồn tại như một thực tế khách quan cần điều chỉnh. Vì vậy, pháp luật nên thừa nhận hình thức giao dịch này và có sự định hướng để hạn chế những

yếu tố tiêu cực như cho vay nặng lãi, lừa đảo hay lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; phát huy những mặt tích cực của hội, họ để nó thực sự là một hình thức gây vốn hiệu quả mang tính chất tương trợ, tương thân, tương ái, không nhằm mục đích kinh doanh, vụ lợi. Đồng thời việc quy định vấn đề hội, họ trong Bộ luật Dân sự sẽ tạo cơ sở pháp lý cho Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc chơi hội, họ - một vấn đề gây bức xúc bấy lâu nay, nhưng vẫn đang bị pháp luật bỏ ngỏ.

4. Các lập luận trên đã thuyết phục được các đại biểu Quốc hội. Bộ luật Dân sự 2005 sau khi được thông qua tại Điều 479 quy định:

“1. Họ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.

2. Hình thức họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Nghiêm cấm việc tổ chức họ dưới hình thức cho vay nặng lãi”.

Đây là quy định khung, mang tính nguyên tắc, để thực sự đi vào cuộc sống thì cần phải có hướng dẫn cụ thể. Chính vì vậy, ngày 27/11/2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 144/2006/NĐ-CP về họ, hội, biểu, phường (sau đây gọi tắt là Nghị định 144). Với 5 chương, 32 điều, Nghị định này quy định cụ thể về hình thức họ (hội, biểu, phường); quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của những người tham gia chơi họ.

Trong Nghị định 144, chính sách của Nhà nước đối với họ, hội được nhìn nhận lại và thể hiện chính thức tại Điều 2. Theo đó, Nhà nước nghiêm cấm việc tổ chức họ để cho vay nặng lãi, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm hoặc các hành vi trái pháp luật khác để chiếm đoạt tài sản của người khác; quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân theo quy định của Nghị định 144 và các văn bản pháp luật khác có liên quan sẽ được pháp luật bảo vệ.

Theo Nghị định 144, mỗi dây họ thường do một người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ đứng ra làm chủ họ. Nếu không có thoả thuận khác, chủ họ là người tổ chức, quản lý họ, thu các phần họ và giao các phần họ đó cho thành viên được lĩnh họ trong mỗi kỳ mở họ cho tới khi kết thúc họ. Những người tham gia họ còn lại được gọi là các thành viên. Thành viên có thể góp một hoặc nhiều phần họ trong một dây họ. Phần họ là số tiền hoặc tài sản khác đã được xác định theo

thoả thuận mà thành viên phải góp trong mỗi kỳ mở họ. Phần họ phải là tài sản có thể giao dịch được.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tiễn ở một số địa phương, Nghị định 144 phân loại hình thức chơi họ thành 2 loại: họ không có lãi và họ có lãi.

– Họ không có lãi là họ mà theo sự thoả thuận giữa những người tham gia họ, thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và không phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên đã lĩnh họ có nghĩa vụ tiếp tục góp họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ (Điều 11). Việc xác định thành viên lĩnh họ đối với họ không có lãi, nếu không có thoả thuận khác, thứ tự thành viên lĩnh họ được xác định bằng hình thức bốc thăm. Ví dụ: một dây họ có 12 người cùng tham gia, mỗi người đóng 1.000.000 đồng thì mỗi tháng một người sẽ lĩnh 11.000.000 đồng, theo thứ tự được xác định bằng hình thức bốc thăm hoặc theo thoả thuận người nào khó khăn hơn hoặc có việc cần đến tiền thì được ưu tiên lấy tiền họ trước, người nào ít khó khăn hơn hoặc chưa có việc cần đến tiền thì có thể lĩnh tiền họ sau.

– Họ có lãi là họ mà theo sự thoả thuận giữa những người tham gia họ, thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên đã lĩnh họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ (Điều 17). Đối với việc xác định thành viên lĩnh họ trong các họ có lãi, nếu không có thoả thuận khác, thành viên lĩnh họ trong từng kỳ mở họ là người đưa ra mức trả lãi cao nhất. Nếu trong một kỳ mở họ mà có nhiều thành viên cùng trả một mức lãi và mức lãi đó là mức lãi cao nhất thì những người này bốc thăm để xác định thành viên được lĩnh họ. Thành viên đã lĩnh họ thì không được tham gia trả lãi trong các kỳ mở họ tiếp theo (trừ trường hợp thành viên này có nhiều phần họ trong một họ). Đối với những thành viên có nhiều phần họ trong một họ thì những thành viên này có quyền trả lãi cho đến khi có số lần lĩnh họ tương ứng với số phần họ mà thành viên đó tham gia trong một họ. Họ có lãi lại được phân thành 2 loại nhỏ: họ đầu thảo và họ hưởng hoa hồng.

+ Họ đầu thảo là họ mà theo sự thoả thuận giữa những người tham gia họ, chủ họ được lĩnh toàn bộ các phần họ trong một kỳ mở họ và không phải trả lãi cho các thành viên khác. Trong các kỳ mở họ khác, thành viên trả lãi cao nhất được lĩnh họ và phải trả lãi cho các thành viên khác (Điều 19). Ví dụ: Một dây họ 12.000.000 đồng có 12 người, mỗi người góp 1.000.000 đồng trong 12 tháng. Tháng thứ nhất chủ họ lĩnh 12.000.000 đồng mà không phải trả lãi. Đến tháng thứ hai, có người trả lãi 100.000 đồng, các thành viên còn lại chỉ phải góp: 1.000.000 đồng - 100.000 đồng = 9.000.000 đồng. Như vậy, người lĩnh họ lấy về được 12.000.000 đồng - (100.000 đồng x 11) = 10.900.000 đồng.

+ Hộ hưởng hoa hồng là hộ mà theo sự thoả thuận giữa những người tham gia hộ, chủ hộ có trách nhiệm thu phần hộ của các thành viên góp hộ để giao cho thành viên được lĩnh hộ. Thành viên được lĩnh hộ phải trả lãi cho các thành viên khác và phải trả một khoản hoa hồng cho chủ hộ. Mức hoa hồng do những người tham gia hộ thoả thuận (Điều 24). Ví dụ: Một dây hộ có 12 người, mỗi người góp 1.000.000 đồng/tháng, góp trong 12 tháng. Mỗi tháng, các thành viên bỏ lãi để vay vốn, người nào trả lãi cao nhất thì được lĩnh hộ. Nếu có người trả lãi 100.000 đồng cho mỗi phần góp, thì các thành viên còn lại chỉ phải đóng: 1.000.000 đồng - 100.000 đồng = 900.000 đồng. Người lĩnh hộ cũng phải trả cho chủ hộ 100.000 đồng gọi là tiền hoa hồng theo thoả thuận. Như vậy, một dây hộ 12.000.000 đồng, người trả lãi 100.000 đồng để lĩnh hộ tháng thứ nhất sẽ phải trả 11 phần lãi cho 11 thành viên ($100.000 \text{ đồng} \times 11 = 1.100.000 \text{ đồng}$), trả 100.000 đồng tiền hoa hồng cho chủ hộ, chỉ lấy về được: $12.000.000 \text{ đồng} - (1.100.000 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng}) = 10.800.000 \text{ đồng}$ (kể cả phần góp của mình).

Nghị định 144 không bắt buộc những người tham gia chơi hộ phải lập hợp đồng bằng văn bản và phải đăng ký hoạt động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. So với thời kỳ Pháp thuộc, thì quy định về vấn đề này trong Nghị định 144 đồ khắt khe hơn. Trên cơ sở tôn trọng quyền tự do thoả thuận, định đoạt của các bên, Điều 7 Nghị định 144 quy định: “Thoả thuận về hộ được thể hiện bằng lời nói hoặc bằng văn bản. Văn bản thoả thuận về hộ được công chứng, chứng thực nếu những người tham gia hộ có yêu cầu”. Tùy theo từng loại hộ, những người tham gia chơi hộ có thể thoả thuận về các nội dung sau đây: chủ hộ, số người tham gia, phần hộ, kỳ mở hộ, thể thức góp hộ và lĩnh hộ, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia hộ, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, việc chuyển giao phần hộ, việc ra khỏi hộ, chấm dứt hộ và các nội dung khác (Điều 8). Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi cho Toà án trong việc đánh giá chứng cứ khi giải quyết các tranh chấp phát sinh từ việc chơi hộ, Nghị định 144 bắt buộc các dây hộ phải có sổ hộ. Sổ hộ do chủ hộ lập và giữ; trong trường hợp dây hộ không có chủ hộ thì những người tham gia hộ uỷ quyền cho một thành viên lập và giữ sổ hộ. Sổ hộ có thể bao gồm các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ của chủ hộ và các thành viên trong hộ;
- Phần hộ, kỳ mở hộ, thể thức góp hộ và lĩnh hộ;
- Số tiền, tài sản khác đã góp hộ hoặc đã lĩnh hộ;
- Việc chuyển giao phần hộ;
- Việc ra khỏi hộ và chấm dứt hộ;
- Chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp hộ và lĩnh hộ;
- Các nội dung khác liên quan đến hoạt động của hộ.

Đối với các dây họ có lãi thì lãi suất đối với phần họ phải tuân theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005. Điều đó có nghĩa lãi suất đối với phần họ là do các thành viên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia chơi họ, Nghị định 144 quy định rõ các quyền và nghĩa vụ của chủ họ và thành viên chơi họ. Các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể được xác định tùy thuộc vào hình thức chơi họ: họ không có lãi, họ có lãi (họ đầu thảo và họ hưởng hoa hồng)⁽⁴⁾.

Về trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia chơi họ:

Điều 29 Nghị định 144 quy định: “Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có.

Chủ họ phải trả lãi đối với các phần họ giao chậm theo mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần họ”.

Đối với các thành viên, trong trường hợp thành viên không góp phần họ, khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại (nếu có). Nếu chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên đó phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ (Điều 30).

Việc Quốc hội biểu quyết thông qua Bộ luật Dân sự 2005, trong đó có một điều luật quy định về họ, hội, biểu, phường và Chính phủ ban hành Nghị định số 144/2006/NĐ-CP về họ, hội, biểu, phường đã đáp ứng được sự mong đợi của người dân trong suốt một thời gian dài. Giờ đây nếu có tranh chấp phát sinh khi chơi họ mà không thương lượng, hoà giải được, những người chơi họ khởi kiện ra Toà án sẽ được Toà án thụ lý giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý nghĩa quan trọng nhất của hình thức huy động vốn qua họ, hội, biểu, phường là tinh thần cộng đồng làng xã, phường hội của người Việt nhằm mục đích tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau. Vì thế, pháp luật cũng như các quy tắc đạo đức xã hội không cho phép các hành vi lường gạt, bội tín xảy ra trong các

hoạt động này và cũng không cho phép hình thức huy động vốn này biến tướng. Nhận thức và làm được như vậy, họ, hụi, biêu, phường vẫn sẽ là kênh huy động vốn quan trọng của bà con trên tinh thần yêu thương đùm bọc nhau trong làm ăn.

CHÚ THÍCH

- ⁽¹⁾ Vương Bình, “Xử án xưa về tranh chấp khi chơi hụi”, Nguyệt san *Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh*, số 96, tháng 1/2005, tr. 81.
- ⁽²⁾ Trần Thúc Linh, *Danh từ pháp luật lược giải*, nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1965, tr. 1117, 1119.
- ⁽³⁾ Số liệu dẫn theo bài: “Xây dựng nghị định về họ, hụi, biêu, phường: Tạo sân chơi hợp pháp”, báo *Pháp luật Việt Nam*, số 136 (2.918), ngày 7/6/2006.
- ⁽⁴⁾ Cụ thể hơn xem các Điều 13-16, 20-23, 25-28 của Nghị định 144.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Đại Doãn, *Mấy vấn đề về văn hoá làng xã Việt Nam trong lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.79.
- [2] Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr.229 -234.
- [3] *Bộ Hình luật 1972*, NXB Thần Chung, Sài Gòn, 1973, tr.154.